



# ESG và các khái niệm liên quan đến tính bền vững

ESG & Sustainability Transformation

Hung NINH

12/2023

ESG Transformation



## ESG và các khái niệm liên quan đến tính bền vững

### Agriculture - Nông Nghiệp

Nông nghiệp là thực hành canh tác tài nguyên thiên nhiên để duy trì cuộc sống của con người và mang lại lợi ích kinh tế. Nó kết hợp sự sáng tạo, trí tưởng tượng và kỹ năng liên quan đến trồng trọt và chăn nuôi, với phương pháp sản xuất hiện đại và công nghệ mới. Nông nghiệp cũng là một ngành kinh doanh cung cấp cho nền kinh tế toàn cầu hàng hóa: Hàng hóa cơ bản được sử dụng trong thương mại, chẳng hạn như ngũ cốc, sản phẩm chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản), sữa, chất xơ và nguyên liệu làm nhiên liệu. Ví dụ, chất xơ là cây trồng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ, theo The Balance Small Business, và là một mặt hàng cần thiết cho ngành sản xuất quần áo.

Nông nghiệp góp phần phát thải khí nhà kính do giải phóng mặt bằng để trồng trọt hoặc chăn thả gia súc. Phân gia súc, lên men và phân bón đóng vai trò là nguồn phát thải khí mê-tan và nitơ oxit - tất cả đều góp phần vào hiệu ứng nhà kính.

### Air Quality - Chất Lượng Không Khí

Chất lượng không khí là thuật ngữ chúng ta sử dụng để mô tả không khí chúng ta hít thở bị ô nhiễm như thế nào. Khi chất lượng không khí kém, các chất ô nhiễm trong không khí có thể gây nguy hiểm cho con người, đặc biệt là những người mắc bệnh phổi hoặc tim mạch. Không khí sạch là một yêu cầu cơ bản của một môi trường lành mạnh để tất cả chúng ta sống, làm việc và nuôi dưỡng gia đình. Chất lượng không khí đã được cải thiện đáng kể trong những thập kỷ gần đây, nhưng có một số nơi trên hành tinh của chúng ta có mức độ ô nhiễm không khí không thể chấp nhận được. Chúng ta cam kết giảm, càng sớm càng tốt, các chất ô nhiễm gây hại nhất trong không khí của chúng ta.

### Biodegradable - Phân Hủy Sinh Học

Phân hủy sinh học là khả năng của các thành phần bị phá vỡ (phân hủy) trong môi trường do tác động của các vi sinh vật như vi khuẩn, nấm và các dạng sinh vật sống khác. Hầu hết mọi thứ sẽ thoái hóa tự nhiên theo thời gian (có thể phân hủy sinh học), nhưng một số không bị phân hủy trong môi trường tự nhiên và gây hại (không phân hủy sinh học).

### Biodiversity - Đa Dạng Sinh Học

Đa dạng sinh học là sự đa dạng của sự sống trên Trái đất. Nó bao gồm sự đa dạng ở nhiều cấp độ, ví dụ, số lượng lớn các loài thực vật và động vật, sự đa dạng di truyền trong và giữa các loài này, và các quần xã sinh vật và hệ sinh thái khác nhau, bao gồm rừng nhiệt đới, lãnh nguyên và sa mạc cùng với các sinh vật siêu nhỏ, bao gồm vi khuẩn, vi rút và nấm.

### Bioenergy - Năng Lượng Sinh Học

Năng lượng sinh học đề cập đến tất cả các loại năng lượng có nguồn gốc từ việc chuyển đổi các nguồn tự nhiên và sinh học (gọi là sinh khối) có sẵn trên cơ sở tái tạo. Năng lượng sinh học là nguồn năng lượng tái tạo duy nhất có khả năng cung cấp sưởi ấm và làm mát, điện và nhiên liệu vận chuyển.

### Biomimicry - Mô Phỏng Sinh Học

Các sản phẩm bền vững được thiết kế để bắt chước thiên nhiên, chẳng hạn như sử dụng lông vũ trong áo khoác mùa đông và chăn bông, hoặc lấy cảm hứng từ các gò mối để xây dựng các văn phòng tiết kiệm năng lượng, chẳng hạn như Tòa nhà Eastgate ở Zimbabwe.

Business Ethics - Đạo Đức Kinh Doanh



Theo định nghĩa, đạo đức kinh doanh đề cập đến các tiêu chuẩn cho hành vi đúng và sai về mặt đạo đức trong kinh doanh. Luật pháp định nghĩa một phần hành vi, nhưng "hợp pháp" và "đạo đức" không nhất thiết phải giống nhau. Đạo đức kinh doanh nâng cao luật pháp bằng cách phác thảo các hành vi được chấp nhận ngoài tầm kiểm soát của chính phủ.

Các tập đoàn thiết lập đạo đức kinh doanh để thúc đẩy tính toàn vẹn giữa các nhân viên của họ và có được sự tin tưởng từ các bên liên quan chính, chẳng hạn như nhà đầu tư và người tiêu dùng. Trong khi các chương trình đạo đức doanh nghiệp đã trở nên phổ biến, chất lượng khác nhau. Theo Khảo sát Đạo đức Kinh doanh Toàn cầu - 2018 Global Business Ethics Survey (GBES), ít hơn một phần tư nhân viên tại Hoa Kỳ nghĩ rằng công ty của họ có một chương trình đạo đức "được thực hiện tốt".

### **Business Model - Mô Hình Kinh Doanh**

Thuật ngữ mô hình kinh doanh đề cập đến kế hoạch tạo ra lợi nhuận của công ty. Nó xác định các sản phẩm hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp có kế hoạch bán, thị trường mục tiêu được xác định và bất kỳ chi phí dự kiến nào. Mô hình kinh doanh rất quan trọng đối với cả doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp lâu đời. Chúng giúp các công ty mới và đang phát triển thu hút đầu tư, tuyển dụng nhân tài và thúc đẩy quản lý và nhân viên.

Các doanh nghiệp được thành lập nên thường xuyên cập nhật mô hình kinh doanh của họ, nếu không họ sẽ không lường trước được xu hướng và thách thức phía trước. Các mô hình kinh doanh cũng giúp các nhà đầu tư đánh giá các công ty mà họ quan tâm và nhân viên hiểu được tương lai của một công ty mà họ có thể mong muốn tham gia.

### **Carbon Budget - Ngân Sách Carbon**

Khái niệm "Ngân sách carbon" đã dần xuất hiện từ dự án của Hội đồng liên chính phủ về biến đổi khí hậu - Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC), trong đó nhấn mạnh mối quan hệ giữa sự nóng lên toàn cầu và lượng khí thải CO<sub>2</sub> tích lũy kể từ kỷ nguyên công nghiệp. Khoa học khí hậu định nghĩa ngân sách carbon là số lượng khí nhà kính có thể được chi tiêu (phát ra) cho một mức độ nóng lên toàn cầu nhất định. Ngân sách carbon là lượng khí thải carbon dioxide (CO<sub>2</sub>) do con người gây ra trên toàn cầu tích lũy, với một số xác suất, sẽ hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở một mức nhất định. Tổng ngân sách carbon được thể hiện liên quan đến thời kỳ tiền công nghiệp.

Nó có thể được gọi là "ngân sách carbon còn lại" được IPCC xác định trong báo cáo năm 2018 khi được thể hiện từ một ngày cụ thể gần đây. Nó đại diện cho lượng khí thải CO<sub>2</sub> còn lại chúng ta tạo ra để hạn chế sự nóng lên toàn cầu dưới ngưỡng nóng lên nhất định so với mức tiền công nghiệp - giới hạn được IPCC ước tính là 1170 tỷ tấn CO<sub>2</sub> cho hai °C (2 độ C) kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018. Đây là ước tính lượng khí thải CO<sub>2</sub> ròng toàn cầu tích lũy từ một ngày bắt đầu nhất định đến thời điểm phát thải CO<sub>2</sub> do con người gây ra đạt đến mức không ròng. Điều này có thể sẽ hạn chế sự nóng lên toàn cầu đối với một lớp nhất định, có tính đến tác động của các khí thải khác do con người gây ra.

Nghị định thư Kyoto (Kyoto Protocol) cũng thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (United Nations Framework Convention on Climate Change - UNFCCC), kêu gọi các nước công nghiệp và nền kinh tế phát triển chuyển đổi để hạn chế và giảm phát thải khí nhà kính (GHG) với các mục tiêu riêng đã thống nhất. Bảy loại khí nhà kính được giải quyết rõ ràng bởi Nghị định thư này: carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), metan (CH<sub>4</sub>) và oxit nitơ (N<sub>2</sub>O) (trong danh mục khí không flo), và hydrofluorocarbons (HFC), perfluorocarbons (PFC), lưu huỳnh hexafluoride (SF<sub>6</sub>) và nitơ trifluoride (NF<sub>3</sub>) (trong loại khí flo). Những khí này có thể được so sánh bằng cách chuyển đổi chúng thành carbon dioxide (CO<sub>2</sub>) tương đương để xác định từng loại và tổng đóng góp của chúng vào sự nóng lên toàn cầu.



"Ngân sách phát thải" được xem xét, trong các cam kết giảm đề cập đến tổng số cho một tập hợp các loại khí. Ngân sách carbon liên quan đến sự nóng lên, như IPCC trình bày, chỉ liên quan đến carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), do đó bỏ qua các GHG khác như metan (CH<sub>4</sub>) và oxit nitơ (N<sub>2</sub>O). Do đó, ngân sách carbon bao gồm các GHG khác sẽ cao hơn.

Ngân sách phát thải cũng có thể được liên kết với các mục tiêu cho các biến khí hậu khác, chẳng hạn như lực bức xạ hoặc mực nước biển dâng. Nó được tính toán bằng cách kết hợp các ước tính của các yếu tố đóng góp khác nhau, bao gồm bằng chứng khoa học, đánh giá giá trị hoặc lựa chọn.

### **Carbon Capture and Storage - Thu Hồi và Lưu Trữ Carbon (CCS)**

Thu hồi và lưu trữ carbon (CCS) liên quan đến quá trình thu giữ carbon dioxide được giải phóng do các quy trình công nghiệp và đốt nhiên liệu hóa thạch trước khi nó được thải vào khí quyển. Carbon thu được được vận chuyển từ nơi nó được sản xuất thông qua tàu thủy, tàu chở dầu và đường ống và được lưu trữ sâu dưới lòng đất trong các thành tạo địa chất. Việc đạt mức phát thải ròng bằng 0 phụ thuộc vào hoạt động CCS quy mô lớn.

### **Carbon Emissions - Phát Thải Carbon**

Khi nhiên liệu hóa thạch như xăng dầu, khí đốt và than đá bị đốt cháy, chúng giải phóng khí thải carbon dioxide vào khí quyển khiến hành tinh nóng lên, gây ảnh hưởng đến khí hậu và hệ sinh thái của chúng ta. Vì carbon là một loại khí nhà kính, nó giúp giữ nhiệt trong khí quyển và khiến trái đất nóng lên, dẫn đến sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Việc giải phóng khí thải carbon có hại cho môi trường tự nhiên. Khí thải carbon và các khí nhà kính khác được giải phóng do các hoạt động của con người.

### **Carbon Footprint - Dấu Chân Carbon**

Dấu chân carbon đo lường tổng lượng phát thải khí nhà kính gây ra trực tiếp và / hoặc gián tiếp bởi một người, các tổ chức, các sự kiện hoặc vòng đời sản phẩm. Đó là tổng lượng khí thải carbon phát ra từ các hoạt động kinh doanh, ví dụ, sử dụng năng lượng như sưởi ấm và điện, chất thải, nước, giao thông vận tải và chuỗi cung ứng. Dấu chân carbon được biểu thị bằng carbon dioxide tương đương (CO<sub>2</sub>e).

### **Carbon Management - Quản Lý Carbon**

Quản lý carbon là quá trình đo lường, đánh giá và quản lý lượng khí thải carbon được tạo ra trực tiếp và / hoặc gián tiếp từ các hoạt động kinh doanh của một tổ chức. Quản lý carbon là thực hiện các bước để giảm lượng khí thải trong một doanh nghiệp và mở rộng trên toàn chuỗi cung ứng.

### **Carbon Neutral - Trung Hòa Carbon**

Trung hòa carbon có nghĩa là cân bằng lượng khí thải carbon dioxide thải vào khí quyển thông qua các hoạt động kinh doanh hàng ngày với lượng hấp thụ hoặc loại bỏ khỏi khí quyển. Nhìn chung, không có khí thải carbon dioxide nào được thêm vào khí quyển. Trung hòa carbon không giống như Net-zero (mặc dù nó thường được sử dụng thay thế cho nhau) – Net-zero đòi hỏi phải giảm lượng khí thải carbon càng nhiều càng tốt trước khi xem xét bù đắp. Trong khi, về lý thuyết, tính trung hòa carbon có thể đạt được chỉ thông qua bù đắp.

### **Carbon Offsetting - Bù Đắp Carbon**

Bù đắp carbon là một cách để bù đắp lượng khí thải carbon của một doanh nghiệp bằng cách tài trợ cho các khoản tiết kiệm carbon dioxide tương đương ở nơi khác. Đây là một hoạt động ngăn ngừa, giảm hoặc loại bỏ lượng khí thải carbon. Trồng cây và các dự án năng lượng tái tạo là những ví dụ về bù đắp carbon. Bù đắp carbon là một cách để chịu trách nhiệm về lượng khí thải carbon không thể tránh khỏi.



## **CDP (trước đây là Dự án Công Bố Carbon - Carbon Disclosure Project, bây giờ chỉ gọi là "CDP")**

CDP là một tổ chức từ thiện phi lợi nhuận điều hành hệ thống công bố thông tin toàn cầu cho các nhà đầu tư, công ty, thành phố, tiểu bang, quốc gia và khu vực để quản lý các tác động môi trường của họ. CDP có bộ sưu tập dữ liệu môi trường tự báo cáo toàn diện nhất trên thế giới, với gần 20.000 thực thể công bố thông qua CDP vào năm 2022.

## **Competitive Behaviour - Hành Vi Cạnh Tranh**

Hành vi của các doanh nghiệp trong các tình huống thị trường liên quan đến hành động và phản ứng để đạt được lợi thế so với các đối thủ. Cạnh tranh mạnh thường có lợi cho người tiêu dùng. Hầu hết các chính phủ ở các nền kinh tế tiên tiến đều tận tâm khắc sâu hành vi cạnh tranh và không khuyến khích hành vi chống cạnh tranh (như độc quyền, cartel, thông đồng để hạn chế nguồn cung, định giá sẵn mồi để đẩy đối thủ cạnh tranh ra khỏi kinh doanh và ấn định giá). Thực thi mạnh mẽ và không thiên vị chính sách cạnh tranh là một trong những yếu tố then chốt trong việc tạo ra nền kinh tế thị trường hiện đại.

Tiếp thị hiệu quả phụ thuộc vào môi trường cạnh tranh mạnh mẽ và quy định hiệu quả về các hành vi chống cạnh tranh không phù hợp với lợi ích của người tiêu dùng. EU và Mỹ đã học được từ kinh nghiệm rằng cạnh tranh trong nước mạnh mẽ dẫn đến khả năng cạnh tranh quốc tế lớn hơn. Việc thực thi chính sách cạnh tranh yếu kém thường cản trở sự đổi mới hoặc dẫn đến việc phân bổ nguồn lực không hiệu quả trong nền kinh tế và chi phí đầu vào cao cho doanh nghiệp và ảnh hưởng nặng nề nhất đến người tiêu dùng không có khả năng tự vệ. Các cơ quan quản lý của EU về cạnh tranh có thể phạt một công ty tới 10% tổng doanh thu toàn cầu vì hành vi và hành động chống cạnh tranh.

## **Circular Economy - Kinh Tế Tuần Hoàn**

Nền kinh tế tuần hoàn dựa trên các nguyên tắc thiết kế từ các chất thải và ô nhiễm, giữ cho các sản phẩm và vật liệu được sử dụng và tái tạo các hệ thống tự nhiên. Chất thải của ngành này được sử dụng như nguyên liệu đầu vào của ngành khác. Đây là một mô hình kinh tế bền vững, nơi các sản phẩm và vật liệu được tái sử dụng hoặc tái chế để giảm thiểu ô nhiễm và chất thải thông qua thiết kế sản phẩm.

## **CSRHub**

CSRHub cung cấp quyền truy cập vào xếp hạng trách nhiệm xã hội và tính bền vững của doanh nghiệp, và thông tin về 50.000+ công ty từ 134 ngành công nghiệp tại 154 quốc gia. Các nhà quản lý doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà nghiên cứu và nhà hoạt động sử dụng CSRHub để đánh giá hiệu suất của công ty, tìm hiểu cách các bên liên quan đánh giá thực tiễn CSR của công ty, quản lý chuỗi cung ứng của họ, cải thiện việc ra quyết định đầu tư và kinh doanh và tìm cách thay đổi thế giới.

CSRHub đánh giá 12 chỉ số về hiệu suất của nhân viên, môi trường, cộng đồng và quản trị và giải quyết nhiều vấn đề đặc biệt. CSRHub cung cấp cho người đăng ký quyền truy cập ngay vào hàng triệu điểm dữ liệu chi tiết từ 800+ nguồn dữ liệu của CSRHub. Dữ liệu của CSRHub đến từ hơn 20 công ty đầu tư có trách nhiệm xã hội và nhiều chỉ số, ấn phẩm nổi tiếng, danh sách "tốt nhất" hoặc "tồi tệ nhất", các tổ chức phi chính phủ, nguồn cộng đồng và các cơ quan chính phủ. Bằng cách tổng hợp và chuẩn hóa thông tin từ các nguồn này, CSRHub đã tạo ra một hệ thống xếp hạng rộng, nhất quán và cơ sở dữ liệu có thể tìm kiếm liên kết từng điểm xếp hạng trở lại nguồn của nó.

## **Customer Privacy/ Consumer Privacy**

### **Quyền Riêng Tư Của Khách Hàng / Quyền Riêng Tư Của Người Tiêu Dùng**

Quyền riêng tư của người tiêu dùng đề cập đến quyền riêng tư dự kiến và bảo vệ thông tin và dữ liệu cá nhân của người tiêu dùng thường được các doanh nghiệp thu thập. Vi phạm





quyền riêng tư của người tiêu dùng đang trở nên phổ biến hơn khi công nghệ phát triển và dẫn đến các vấn đề pháp lý và chính trị giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Người tiêu dùng điển hình quan tâm đến quyền riêng tư của thông tin cá nhân của họ, vì vậy các doanh nghiệp thông minh thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức về quyền riêng tư và rõ ràng với người tiêu dùng về những gì họ làm với dữ liệu của họ, ưu tiên niềm tin của người tiêu dùng. Quyền riêng tư của người tiêu dùng là mối quan tâm ngày càng tăng và kêu gọi các doanh nghiệp tăng khả năng hiển thị việc sử dụng dữ liệu người tiêu dùng. Tránh các vấn đề về quyền riêng tư của người tiêu dùng cho phép các doanh nghiệp duy trì quyền truy cập vào dữ liệu và thông tin hữu ích này trong khi vẫn duy trì niềm tin của người tiêu dùng.

### **Customer Welfare - Phúc Lợi Khách Hàng**

Nguyên tắc phúc lợi khách hàng hoặc phúc lợi người tiêu dùng (CWP) là một học thuyết pháp lý được sử dụng để xác định khả năng áp dụng thực thi chống độc quyền.

Theo tiêu chuẩn phúc lợi người tiêu dùng, việc sáp nhập doanh nghiệp được coi là phản cạnh tranh "chỉ khi nó làm tổn hại đến cả hiệu quả phân bổ và làm tăng giá hàng hóa trên mức cạnh tranh hoặc làm giảm chất lượng của chúng. Điều này trái ngược với các khuôn khổ trước đây của lý thuyết chống độc quyền, và gần đây là phong trào New Brandeis, cho rằng việc sáp nhập công ty vốn đã gây bất lợi cho người tiêu dùng bằng cách giảm cạnh tranh.

Nói cách khác, tiêu chuẩn phúc lợi người tiêu dùng không phân tích các vấn đề chống độc quyền từ góc độ "lớn là xấu", lên án việc hợp nhất doanh nghiệp là một hiện tượng tiêu cực. Thay vào đó, khuôn khổ quy định rằng hợp nhất doanh nghiệp không nhất thiết gây hại cho người tiêu dùng, miễn là sáp nhập (hoặc sáp nhập hàng loạt) không dẫn đến các cá nhân phải trả nhiều tiền hơn cho một sản phẩm hoặc dịch vụ.

### **Climate Change - Biến Đổi Khí Hậu**

Biến đổi khí hậu đề cập đến sự thay đổi lâu dài về nhiệt độ trung bình toàn cầu và các kiểu thời tiết. Những thay đổi này có thể là tự nhiên, chẳng hạn như thông qua các biến thể trong chu kỳ mặt trời hoặc bị ép buộc bởi các hoạt động của con người (hiệu ứng nhân tạo). Kể từ những năm 1800, các hoạt động của con người là động lực chính cho biến đổi khí hậu, chủ yếu là do đốt nhiên liệu hóa thạch như than, dầu và khí đốt.

### **Climate Adaptation - Thích Ứng Với Khí Hậu**

Thích ứng với khí hậu có nghĩa là dự đoán các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và thực hiện hành động thích hợp để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại mà chúng có thể gây ra, hoặc tận dụng các cơ hội có thể phát sinh. Ví dụ về các biện pháp thích ứng bao gồm thay đổi cơ sở hạ tầng quy mô lớn, chẳng hạn như xây dựng hệ thống phòng thủ để bảo vệ chống lại mực nước biển dâng, cũng như thay đổi hành vi, chẳng hạn như các cá nhân giảm chất thải thực phẩm. Về bản chất, thích ứng có thể được hiểu là quá trình điều chỉnh các tác động hiện tại và tương lai của biến đổi khí hậu.

### **Climate Mitigation - Giảm Thiểu Khí Hậu**

Giảm thiểu khí hậu có nghĩa là làm cho tác động của biến đổi khí hậu ít nghiêm trọng hơn bằng cách ngăn ngừa hoặc giảm phát thải khí nhà kính (GHG) vào khí quyển. Giảm thiểu đạt được bằng cách giảm các nguồn của các loại khí này - ví dụ, bằng cách tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo hoặc thiết lập một hệ thống giao thông vận tải sạch hơn - hoặc bằng cách tăng cường lưu trữ các khí này - ví dụ, bằng cách tăng diện tích rừng. Nói tóm lại, giảm thiểu là sự can thiệp của con người nhằm giảm các nguồn phát thải khí nhà kính và / hoặc tăng cường loại bỏ hoặc lưu trữ chúng.



## **COP26**

Hội nghị các bên về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc lần thứ 26 - 26th UN Climate Change Conference of the Parties (COP26) được tổ chức tại Glasgow, Vương quốc Anh từ ngày 31/10 đến ngày 13/11/2021. Hội nghị thượng đỉnh COP26 đã tập hợp các quốc gia lại với nhau để thúc đẩy hành động hướng tới các mục tiêu của Thỏa thuận khí hậu Paris và Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Paris Climate Agreement and the UN Framework Convention on Climate Change (UNFCCC). COP26 đã thảo luận về mục tiêu đảm bảo mức phát thải ròng bằng 0 toàn cầu vào giữa thế kỷ này và giữ mức 1,5 độ C để tránh tác động thảm khốc của biến đổi khí hậu.

## **Corporate Social Responsibility - Trách Nhiệm Xã Hội Của Doanh Nghiệp (CSR)**

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) là một khái niệm trong đó các doanh nghiệp tích hợp các mối quan tâm về xã hội và môi trường vào hoạt động và tương tác của họ với các bên liên quan. CSR thường được hiểu là cách một công ty đạt được sự cân bằng của các nghĩa vụ kinh tế, môi trường và xã hội (Triple-Bottom-Line) đồng thời giải quyết kỳ vọng của cổ đông và các bên liên quan.

## **Data Security - Bảo Mật Dữ Liệu**

Bảo mật dữ liệu là thực hành bảo vệ thông tin kỹ thuật số khỏi bị truy cập trái phép, tham nhũng hoặc trộm cắp trong toàn bộ vòng đời của nó. Đó là một khái niệm bao gồm mọi khía cạnh của bảo mật thông tin từ bảo mật vật lý của phần cứng và thiết bị lưu trữ đến kiểm soát quản trị và truy cập, cũng như bảo mật hợp lý của các ứng dụng phần mềm. Nó cũng bao gồm các chính sách và quy trình tổ chức.

## **Decarbonisation - Khử Carbon**

Loại bỏ hoặc giảm lượng khí thải carbon vào khí quyển để giảm lượng khí thải carbon của một tổ chức và tác động đến khí hậu. Đây là quá trình mà các doanh nghiệp có thể đạt mức phát thải ròng bằng 0 thông qua việc giảm, loại bỏ và bù đắp lượng khí thải carbon.

## **Deforestation - Phá Rừng**

Phá rừng là việc loại bỏ cây vĩnh viễn để nhường chỗ cho một mục đích gì đó ngoài rừng. Nó có thể bao gồm giải phóng mặt bằng để trồng trọt hoặc chăn nuôi, hoặc sử dụng gỗ làm nhiên liệu, xây dựng hoặc sản xuất. Các nhà lãnh đạo thế giới cam kết chấm dứt nạn phá rừng vào năm 2030 tại COP26.

## **Ecological Impact - Tác Động Sinh Thái**

Tác động sinh thái là những ảnh hưởng để lại đối với sinh vật và môi trường của chúng do hành động của con người và sự xuất hiện tự nhiên. Những thay đổi này có thể có lợi hoặc bất lợi cho hệ sinh thái.

Một ví dụ về tác động sinh thái có thể được nhìn thấy trong trường hợp các loài xâm lấn. Trong khi những sinh vật này được con người đưa vào hệ sinh thái để giúp giải quyết vấn đề hoặc được đưa vào một cách tình cờ; Chúng có thể gây ra mối đe dọa cho môi trường do không có động vật ăn thịt (kẻ thù tự nhiên) để kiểm soát các loài xâm lấn. Điều này có thể có tác động nghiêm trọng đến hệ sinh thái bằng cách cho phép loài xâm lấn tiếp tục phát triển về số lượng và buộc các loài bản địa rời khỏi môi trường.

## **Ecological Footprint - Dấu Chân Sinh Thái**

Một thước đo hiệu quả sinh học về diện tích đất và nước mà một cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc một hoạt động cần để sản xuất tất cả các tài nguyên mà nó tiêu thụ và hấp thụ chất thải mà nó tạo ra, sử dụng công nghệ và thực tiễn quản lý tài nguyên hiện hành. Dấu chân sinh thái thường được đo bằng đơn vị ha toàn cầu. Vì thương mại là toàn cầu, dấu chân sinh thái của một cá nhân hoặc quốc gia bao gồm đất liền hoặc biển từ khắp nơi trên thế giới.



## Ecosystem - Hệ Sinh Thái

Hệ sinh thái là một cộng đồng các sinh vật sống kết hợp với các thành phần không sống (non-living) trong môi trường của chúng (như không khí, nước, khoáng chất, đất) tương tác như một hệ thống.

## Equality, Diversity, and Inclusion - Bình Đẳng, Đa Dạng và Hòa Nhập (ED&I hoặc DE&I)

ED&I là thuật ngữ viết tắt của Bình đẳng, Đa dạng và Hòa nhập. Nó đảm bảo đối xử công bằng và cơ hội cho tất cả mọi người, với mục đích loại bỏ định kiến và phân biệt đối xử dựa trên đặc điểm tính cách của một nhóm cá nhân.

Các đặc điểm tính cách sau đây được gọi là đặc điểm được bảo vệ và việc phân biệt đối xử với người nằm trong đó là vi phạm pháp luật. Các đặc điểm được bảo vệ là:

- Tuổi
- Tàn tật/ Tình trạng thể chất
- Xác định lại giới tính
- Tình trạng hôn nhân và quan hệ đối tác dân sự
- Mang thai và thai sản
- Chủng tộc
- Tôn giáo hoặc tín ngưỡng
- Giới tính
- Xu hướng tình dục

Bất kỳ doanh nghiệp nào muốn cam kết trở thành một nhà tuyển dụng coi trọng ED&I phải chuẩn bị và cam kết lâu dài để nắm bắt sự thay đổi văn hóa nơi làm việc, bền vững để thúc đẩy bình đẳng, đa dạng và hòa nhập tại nơi làm việc của họ. Một nơi tuyệt vời để bắt đầu là hiểu ý nghĩa của từng yếu tố trong ED&I.

### Bình Đẳng Là Gì?

Bình đẳng là một từ khác nói về sự công bằng. Bình đẳng tại nơi làm việc phải đảm bảo rằng các cá nhân hoặc một nhóm cá nhân được đối xử bình đẳng. Không nên có ai ở nơi làm việc được đối xử kém thuận lợi hơn do Thiên vị vô thức hoặc bất kỳ đặc điểm được bảo vệ nào được liệt kê ở trên.

Bình đẳng không chỉ giới hạn trong việc đối xử với các cá nhân hoặc một nhóm, nó cũng liên quan đến các cơ hội được trao cho nhân viên tại nơi làm việc.

Mọi người nên có quyền truy cập vào các công cụ, cơ hội và kinh nghiệm giống nhau cần thiết để thực hiện vai trò của họ một cách bình đẳng và công bằng.

### Đa Dạng Là Gì?

Sự đa dạng bao gồm các loại và biến thể của các đặc điểm khác nhau trong một nhóm người; Những đặc điểm này là những gì làm cho chúng ta độc đáo và định hình bản sắc của chúng ta.

Mọi người đều khác nhau và sự khác biệt mang đến những quan điểm mới, ý tưởng khác nhau và tư duy khác nhau giúp thúc đẩy sự thay đổi văn hóa được trao quyền tại nơi làm việc có thể mang lại sự gia tăng sáng tạo và đổi mới.

Đa dạng giới tính phổ biến nhất đề cập đến tỷ lệ nam và nữ bằng nhau. Một số lĩnh vực công nghiệp phổ biến nhất chứng kiến sự thống trị của nhân viên nam so với nữ là trong lĩnh vực STEM.





Sự đa dạng là cần thiết để có một môi trường làm việc công bằng và hiệu quả. Đa dạng giới tính tại nơi làm việc có nghĩa là nam giới và phụ nữ được tuyển dụng với tỷ lệ tương tự và nhất quán, được trả lương như nhau và được trao cơ hội làm việc như nhau với cùng cơ hội thăng tiến.

### **Hòa Nhập Là Gì?**

Hòa nhập là tạo ra một môi trường nơi mọi người đều cảm thấy được chào đón và mọi người đều cảm thấy có giá trị. Tạo ra một nơi làm việc hòa nhập có thể đạt được thông qua việc giải quyết các đặc điểm thiên vị vô thức có thể ảnh hưởng đến văn hóa nơi làm việc của rất nhiều doanh nghiệp.

Một phần quan trọng của hòa nhập là đồng minh (Allyship) liên quan đến vận động; tạo ra các hành động, hành vi và thực hành để thúc đẩy những người thường bị thiệt thòi hoặc bị bỏ qua.

### **Tại Sao Đồng Minh (Allyship) Lại Quan Trọng?**

Các hội thảo về Đồng minh Hòa nhập của chúng ta giúp tạo ra những nơi làm việc hòa nhập, an toàn về mặt tâm lý, nơi tất cả chúng ta có thể mang con người thật của mình vào công việc. Các cuộc thảo luận tại tổ chức thường tạo ra một không gian an toàn để có một cuộc đối thoại có cấu trúc và cởi mở với một chuyên gia về sự đa dạng và hòa nhập và cung cấp các công cụ và kỹ thuật cụ thể để trở thành một đồng minh hiệu quả trong doanh nghiệp đó.

### **Employee Health and Safety - Sức khỏe và An toàn của Nhân viên**

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp tập trung vào:

- Thúc đẩy và duy trì mức độ cao nhất về sức khỏe thể chất, tinh thần và xã hội của người lao động trong tất cả các ngành nghề.
- Phòng ngừa sự vắng mặt của công nhân do sức khỏe kém vì điều kiện làm việc của họ.
- Bảo vệ người lao động trong công việc của họ khỏi những rủi ro do các yếu tố bất lợi cho sức khỏe.
- Đánh giá môi trường làm việc của nhân viên, và thích nghi với khả năng sinh lý và tâm lý của họ.

Có hai điều rõ ràng. Sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc là về việc thúc đẩy hạnh phúc tích cực, về sự thoải mái, hạnh phúc và hài lòng của nhân viên, không chỉ đơn giản là ngăn ngừa mọi người bị bệnh và gặp tai nạn. Nó cũng đặt ra một số trách nhiệm nghiêm túc đối với người sử dụng lao động.

### **Energy Management - Quản Lý Năng Lượng**

Quá trình theo dõi và tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng để bảo tồn việc sử dụng nó. Quản lý năng lượng là phương tiện để kiểm soát và giảm tiêu thụ năng lượng, ví dụ như trong các tòa nhà. ISO 50001 cung cấp một khuôn khổ các yêu cầu giúp các tổ chức thực hiện Hệ thống quản lý năng lượng.

### **Environmental Management System - Hệ Thống Quản Lý Môi Trường (EMS)**

Hệ thống quản lý môi trường (EMS) là một tập hợp các quy trình và thực tiễn cho phép một tổ chức giảm tác động môi trường và tăng hiệu quả hoạt động. ISO 14001 là tiêu chuẩn quốc tế cho EMS.

### **Environmental, Social and Governance - Môi Trường, Xã Hội và Quản Trị (ESG)**

ESG là một bộ tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị cho các tiêu chí hoạt động của công ty được nhiều nhà đầu tư sử dụng. ESG đại diện cho rủi ro và cơ hội sẽ ảnh hưởng đến



khả năng tạo ra giá trị lâu dài của công ty bao gồm biến đổi khí hậu, khan hiếm tài nguyên, đa dạng và hòa nhập, sức khỏe và an toàn, bảo mật dữ liệu, đa dạng hội đồng quản trị, lương điều hành và minh bạch thuế.

### **ESG Rating - Xếp Hạng ESG**

Xếp hạng ESG đo lường mức độ tiếp xúc của công ty đối với các rủi ro lâu dài về môi trường, xã hội và quản trị. Những rủi ro này - liên quan đến các vấn đề như hiệu quả năng lượng, an toàn lao động và sự độc lập của hội đồng quản trị - có ý nghĩa tài chính. Nhưng chúng thường không được làm nổi bật trong các đánh giá tài chính truyền thống. Các nhà đầu tư sử dụng xếp hạng ESG để bổ sung phân tích tài chính có thể có cái nhìn rộng hơn về tiềm năng dài hạn của công ty.

Dưới đây là cái nhìn sâu hơn về xếp hạng ESG, bao gồm cách các công ty được chấm điểm và cách các xếp hạng này ảnh hưởng đến bạn và danh mục đầu tư của bạn.

Xếp hạng ESG tốt có nghĩa là một công ty đang quản lý tốt các rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị so với các công ty cùng ngành. Xếp hạng ESG kém thì ngược lại - công ty có mức độ tiếp xúc không được quản lý tương đối cao hơn đối với rủi ro ESG.

Cùng với báo cáo ESG, xếp hạng ESG giúp các nhà đầu tư hiểu được các ưu tiên của công ty và những rủi ro dài hạn mà công ty có thể gặp phải trong tương lai.

Một trong những hệ thống xếp hạng ESG được tham khảo rộng rãi nhất là điểm MSCI ESG. MSCI chấm điểm khoảng 8.500 công ty và hơn 680.000 chứng khoán có thu nhập cố định và vốn chủ sở hữu trên toàn cầu, bao gồm cả các quỹ ESG.

Nền tảng để tính điểm MSCI ESG là một khung vấn đề chính đo lường rủi ro trên 10 loại lĩnh vực môi trường, xã hội và quản trị.

### **Ethical Investment - Đầu Tư Có Đạo Đức**

Đầu tư có đạo đức là một thuật ngữ chung cho các phương pháp tiếp cận đầu tư xem xét các giá trị cũng như lợi nhuận. Thuật ngữ này cũng bao gồm các vấn đề bao gồm, nhưng không giới hạn, biến đổi khí hậu, quyền của người lao động, bình đẳng giới, vũ khí, thuốc lá và cờ bạc khi lựa chọn công ty và các tài sản khác. Đó là một nguyên tắc lựa chọn các khoản đầu tư, chẳng hạn như các doanh nghiệp, dựa trên thông tin xã hội hoặc bền vững của họ.

### **Fairtrade - Thương Mại Công Bằng**

Fairtrade là một hệ thống chứng nhận nhằm đảm bảo một bộ tiêu chuẩn được đáp ứng trong quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm hoặc nguyên liệu thành phần. Đối với nông dân và người lao động, Fairtrade có nghĩa là quyền của người lao động, điều kiện làm việc an toàn hơn, giờ làm việc theo luật định và trả lương công bằng hơn.

### **Fossil Fuels - Nhiên Liệu Hóa Thạch**

Nhiên liệu hóa thạch được làm từ thực vật và động vật đang phân hủy (các hóa thạch động thực vật). Nhiên liệu hóa thạch được tìm thấy trong lớp vỏ Trái đất và chứa carbon và hydro, có thể được đốt cháy để lấy năng lượng. Than, dầu và khí đốt tự nhiên là những ví dụ về nhiên liệu hóa thạch. Than đá là một vật liệu thường được tìm thấy trong các mỏ đá trầm tích, nơi đá, thực vật chết và vật chất động vật được chôn thành từng lớp. Hơn 50% trọng lượng của một mảnh than phải từ các thực vật hóa thạch. Dầu đá phiến ban đầu được tìm thấy như một vật liệu rắn giữa các lớp đá trầm tích, như đá phiến. Vật liệu này được nung nóng để tạo ra dầu nặng có thể được sử dụng để sản xuất xăng. Khí tự nhiên thường được tìm thấy trong các túi phía trên các mỏ dầu. Nó cũng có thể được tìm thấy



trong các lớp đá trầm tích không chứa dầu. Khí tự nhiên chủ yếu được tạo thành từ metan. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch giải phóng carbon vào khí quyển, góp phần vào sự nóng lên toàn cầu.

### **Global Reporting Initiative - Sáng Kiến Báo Cáo Toàn Cầu (GRI)**

Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (được gọi là GRI) là một tổ chức tiêu chuẩn độc lập quốc tế giúp các doanh nghiệp, chính phủ và các tổ chức khác hiểu và truyền đạt tác động của họ đối với các vấn đề như biến đổi khí hậu, nhân quyền và tham nhũng.

Kể từ khi dự thảo hướng dẫn đầu tiên được công bố vào tháng 3 năm 1999, khung báo cáo bền vững tự nguyện của GRI (GRI's voluntary sustainability reporting framework) đã được các tổ chức đa quốc gia, chính phủ, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), tổ chức phi chính phủ và các nhóm ngành thông qua. Hơn 10.000 công ty từ hơn 100 quốc gia sử dụng GRI.

Theo Khảo sát Báo cáo Bền vững KPMG ngày 26/10/2022, 78% trong số 250 công ty lớn nhất thế giới tính theo doanh thu (G250) và 68% trong số 100 doanh nghiệp hàng đầu tại 58 quốc gia (5.800 công ty được gọi là N100) đã áp dụng Tiêu chuẩn GRI để báo cáo. GRI được sử dụng như một tiêu chuẩn báo cáo bởi phần lớn các công ty được khảo sát ở tất cả các khu vực.

Do đó, GRI cung cấp các tiêu chuẩn báo cáo bền vững được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Dưới áp lực ngày càng tăng từ các nhóm bên liên quan khác nhau, chẳng hạn như chính phủ, người tiêu dùng và nhà đầu tư, để minh bạch hơn về các tác động môi trường, kinh tế và xã hội của họ, nhiều công ty xuất bản báo cáo bền vững, còn được gọi là báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) hoặc báo cáo môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Khung báo cáo bền vững của GRI giúp các công ty xác định, thu thập và báo cáo thông tin này một cách rõ ràng và có thể so sánh được. Được phát triển bởi Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Toàn cầu - Global Sustainability Standards Board (GSSB), Tiêu chuẩn GRI là tiêu chuẩn toàn cầu đầu tiên về báo cáo bền vững và là hàng hóa công cộng được sử dụng miễn phí.

Tiêu chuẩn GRI có cấu trúc mô-đun, giúp chúng dễ cập nhật và thích ứng hơn. Ba loạt Tiêu chuẩn hỗ trợ quá trình báo cáo. Tiêu chuẩn chung GRI áp dụng cho tất cả các tổ chức và bao gồm các vấn đề bền vững cốt lõi liên quan đến tác động của công ty đối với nền kinh tế, xã hội và môi trường. Tiêu chuẩn ngành GRI áp dụng cho các lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là những lĩnh vực có tác động môi trường cao nhất, chẳng hạn như nhiên liệu hóa thạch.

Tiêu chuẩn Chủ đề GRI liệt kê các công bố liên quan đến một lĩnh vực chủ đề cụ thể. Tiêu chuẩn GRI và tiêu chí báo cáo được xem xét ba năm một lần bởi Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Toàn cầu (GSSB), một cơ quan độc lập do GRI thành lập. Khung báo cáo gần đây nhất của GRI là Tiêu chuẩn chung sửa đổi, được công bố vào tháng 10/2021 và có hiệu lực để báo cáo vào tháng 1/2023.

### **Global Warming - Sự Nóng Lên Toàn Cầu**

Sự nóng lên và thay đổi lâu dài của hệ thống khí hậu Trái đất, chủ yếu là do các hoạt động của con người. Kể từ những năm 1800, các hoạt động của con người đã thúc đẩy sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, ban đầu là do Cách mạng Công nghiệp thông qua sự phát triển toàn cầu ngày nay.

### **Green Business - Kinh Doanh Xanh**

Kinh doanh xanh nói đến một doanh nghiệp có tác động tiêu cực tối thiểu đến môi trường. Nếu tất cả các tổ chức cố gắng trở nên xanh hơn, việc duy trì doanh nghiệp của họ sẽ bền



vững, linh hoạt và cạnh tranh hơn. Tuy nhiên, kinh doanh xanh không nhất thiết có nghĩa là bền vững và có thể là rửa xanh (Green Washing).

### **Green Credentials - Chứng Chỉ Xanh**

Chức chỉ xanh nhằm nói đến những phẩm chất và hành động cho thấy một doanh nghiệp tin tưởng vào tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và đang thực hiện các bước để giảm tác động môi trường vì sự bền vững. Chứng chỉ xanh có thể mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp, theo một cuộc khảo sát gần đây, chỉ hơn một nửa (52%) người tiêu dùng hiện đang cân nhắc thông tin sinh thái hoặc xanh của thương hiệu khi lựa chọn sản phẩm.

### **Green Economy - Kinh Tế Xanh**

Kinh tế xanh là một mô hình kinh tế ưu tiên sự thành công của phúc lợi con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm rủi ro môi trường và khan hiếm sinh thái. Nhưng ý nghĩa của nền kinh tế xanh là gì? Định nghĩa về kinh tế xanh là thực hành phát triển bền vững thông qua sự hỗ trợ của đầu tư công và tư để tạo ra cơ sở hạ tầng thúc đẩy sự bền vững xã hội và môi trường. Tầm quan trọng của nền kinh tế xanh là nó khuyến khích các nền kinh tế trở nên bền vững hơn và ít carbon hơn, đồng thời đảm bảo rằng tài sản thiên nhiên tiếp tục cung cấp các nguồn lực và dịch vụ môi trường cho sự thịnh vượng liên tục của chúng ta.

### **Green Infrastructure - Cơ Sở Hạ Tầng Xanh**

Cơ sở hạ tầng xanh đề cập đến các hệ thống tự nhiên bao gồm rừng, vùng đồng bằng ngập nước, vùng đất ngập nước và vùng đất mang lại lợi ích bổ sung cho sức khỏe con người, chẳng hạn như bảo vệ lũ lụt và điều hòa khí hậu.

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng xám (Gray Infrastructure) đề cập đến các cấu trúc như đập, đê biển, đường, đường ống hoặc nhà máy xử lý nước.

Cơ sở hạ tầng xanh lam (Blue Infrastructure) thường liên quan đến cơ sở hạ tầng nước đô thị, bao gồm ao, hồ, suối, sông và cung cấp nước mưa. Các kế hoạch thoát nước bền vững thường được bao gồm trong tiêu đề này nhưng đôi khi cũng được dán nhãn là cơ sở hạ tầng xanh.

Kết hợp các yếu tố Xanh lá cây và Xanh lam với nhau là một cách hiệu quả để cung cấp một giải pháp tự nhiên bền vững cho các thách thức đô thị và khí hậu. Thảm thực vật hỗ trợ loại bỏ ô nhiễm không khí, quản lý nước mưa và hiệu ứng đảo nhiệt cũng như tạo ra những nơi dễ chịu hơn và ít căng thẳng hơn để sống.

### **Green Spaces - Không Gian Xanh**

Không gian xanh là những khu vực được bao phủ một phần hoặc hoàn toàn bằng cỏ, cây, cây bụi hoặc thảm thực vật khác. Không gian xanh được sử dụng cho mục đích thẩm mỹ, giải trí hoặc môi trường. Trong môi trường đô thị, không gian xanh có thể giúp giảm tác động của biến đổi khí hậu như thông qua việc giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị. Các doanh nghiệp có thể hỗ trợ không gian xanh thông qua việc tích hợp chúng vào các địa điểm kinh doanh hiện có, tài trợ cho việc phát triển không gian xanh cộng đồng hoặc thông qua thiết kế phát triển bất động sản kinh doanh mới.

### **Greenhouse Effect - Hiệu Ứng Nhà Kính**

Sự nóng lên của bề mặt Trái đất và mức khí quyển thấp nhất là do khí nhà kính gây ra. Khí nhà kính giữ nhiệt của mặt trời trong khí quyển, góp phần vào sự nóng lên toàn cầu của Trái đất.



### **Greenhouse Gas Emissions - Phát Thải Khí Nhà Kính**

Phát thải khí nhà kính (GHG) là các loại khí trong bầu khí quyển của trái đất giữ nhiệt. Phát thải khí nhà kính góp phần vào hiệu ứng nhà kính, làm trầm trọng thêm biến đổi khí hậu. Chúng bao gồm carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), metan (CH<sub>4</sub>), oxit nitơ (N<sub>2</sub>O), hydrofluorocarbons (HFC), perfluorocarbons (PFC), lưu huỳnh hexafluoride (SF<sub>6</sub>).

### **Greenhouse Gas Protocol - Nghị Định Thư Khí Nhà Kính**

Nghị định thư khí nhà kính cung cấp các tiêu chuẩn kế toán khí nhà kính được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Các tiêu chuẩn được thiết kế để cung cấp một khuôn khổ cho các doanh nghiệp, chính phủ và các tổ chức khác để đo lường và báo cáo lượng khí thải nhà kính của họ theo những cách hỗ trợ nhiệm vụ và mục tiêu của họ.

### **Greenwashing - Tẩy Xanh**

Khi một công ty đánh lừa các bên liên quan tin rằng họ là một tổ chức bền vững hoặc đạo đức hoặc thúc đẩy các hoạt động bền vững và đạo đức như một sự phân tâm khỏi các tác động tiêu cực đến môi trường. Xây dựng thương hiệu một sản phẩm/ dịch vụ thân thiện với môi trường, xanh hoặc bền vững trong khi không phải thực tế như tuyên truyền, khiến người tiêu dùng hiểu lầm rằng họ đang giúp hành tinh bằng cách chọn những sản phẩm đó.

### **Human Right - Nhân Quyền**

Quyền con người là quyền vốn có của tất cả mọi người, bất kể chủng tộc, giới tính, quốc tịch, dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo hoặc bất kỳ tình trạng nào khác. Nhân quyền bao gồm quyền sống và tự do, tự do khỏi chế độ nô lệ và tra tấn, tự do ngôn luận và chính kiến, quyền làm việc và giáo dục, và nhiều quyền khác. Mọi người đều được hưởng những quyền này, không có sự phân biệt đối xử.

### **International Sustainability Standards Board - Hội Đồng Tiêu Chuẩn Bền Vững Quốc Tế (ISSB)**

Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB) là một cơ quan thiết lập tiêu chuẩn được thành lập vào năm 2021–2022 thuộc Quỹ IFRS, có nhiệm vụ tạo ra và phát triển các chuẩn mực báo cáo tài chính liên quan đến tính bền vững, để đáp ứng nhu cầu báo cáo bền vững của các nhà đầu tư.

### **International Integrated Reporting Council - Hội Đồng Báo Cáo Tích Hợp Quốc Tế (IIRC)**

Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC) (trước đây là Ủy ban Báo cáo Tích hợp Quốc tế) được thành lập vào tháng 8 năm 2010 và nhằm mục đích tạo ra một khuôn khổ được chấp nhận trên toàn cầu cho một quá trình dẫn đến truyền thông của một tổ chức về việc tạo ra giá trị theo thời gian.

IIRC tập hợp một bộ phận đại diện từ các doanh nghiệp, đầu tư, kế toán, chứng khoán, các lĩnh vực quy định, học thuật và thiết lập tiêu chuẩn cũng như xã hội dân sự. Nó bao gồm một Ban chỉ đạo (Steering Committee), một Nhóm làm việc (Working Group) và ba lực lượng đặc nhiệm (xử lý phát triển nội dung, sự tham gia, truyền thông và quản trị).

Vào tháng 11 năm 2011, IIRC đã công bố một số thay đổi đối với cơ cấu tổ chức của mình. Theo các thỏa thuận mới, giai đoạn chuyển tiếp ban đầu cho đến cuối năm 2013 sẽ thấy IIRC được hỗ trợ bởi một ban thư ký được tăng cường hoạt động thông qua một công ty phi lợi nhuận được thành lập với cùng mục đích.

Một Ủy ban Quản trị (Governance Committee) cũng đã được thành lập, với trách nhiệm liên quan đến kiểm toán, đề cử và thù lao điều hành cho công ty.





### **Microplastics - Vi Nhựa**

Vi nhựa (các hạt nhựa rắn có kích thước dưới 5mm) đã được công nhận là một chất gây ô nhiễm môi trường phổ biến và xâm hại lan rộng, có mặt trên toàn cầu trong không khí, nước và đất. Vi nhựa có thể là nguyên sinh (được thiết kế và sản xuất có kích thước nhỏ) hoặc thứ cấp (bị vỡ, tách ra, hoặc đổ ra từ các vật dụng lớn hơn). Nghiên cứu đang được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu vị trí và cách thức vi nhựa hình thành, phân tán và tích tụ trong môi trường cùng với các tác động về môi trường, sinh thái và sức khỏe đối với cả động vật hoang dã và con người.

### **Morgan Stanley Capital International (MSCI)**

MSCI là từ viết tắt của Morgan Stanley Capital International. Đây là một công ty nghiên cứu đầu tư cung cấp các chỉ số chứng khoán, phân tích rủi ro và hiệu suất danh mục đầu tư và các công cụ quản trị cho các nhà đầu tư tổ chức và quỹ phòng hộ. MSCI có lẽ được biết đến nhiều nhất với các chỉ số chuẩn - bao gồm MSCI Emerging Market Index và MSCI Frontier Markets Index - được quản lý bởi MSCI Barra. Công ty tiếp tục tung ra các chỉ số mới mỗi năm.

### **Morningstar**

Morningstar là một công ty nghiên cứu đầu tư có trụ sở tại Chicago, chuyên biên soạn và phân tích dữ liệu các quỹ, cổ phiếu và thị trường chung. Họ cũng cung cấp một dòng internet, phần mềm và các ấn phẩm cho các nhà đầu tư cá nhân, cố vấn tài chính và khách hàng tổ chức.

Nghiên cứu tiếp cận tất cả các nơi trên thế giới, bao gồm Bắc Mỹ, Châu Âu, Úc và Châu Á. Trong số nhiều dịch vụ của mình, các báo cáo quỹ tương hỗ và quỹ hoán đổi danh mục (ETF) toàn diện, một trang thông tin của Morningstar được các nhà đầu tư sử dụng rộng rãi để xác định chất lượng đầu tư của hơn 2.000 quỹ. Ví dụ, Motley Fool sử dụng chúng như một nguồn thông tin chính.

### **Sustainalytics (trực thuộc Morningstar)**

Sustainalytics là một công ty đánh giá tính bền vững của các công ty niêm yết dựa trên hiệu suất môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) của họ. Công ty được sinh ra từ sự hợp nhất giữa Jantzi Research có trụ sở tại Toronto, được thành lập vào năm 1992 bởi Giám đốc điều hành hiện tại của Sustainalytics, Michael Jantzi, và đối tác châu Âu. Sau khi mua lại GES

International vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, Sustainalytics có hơn 600 nhân viên với văn phòng tại 17 thành phố trên khắp thế giới và hơn 700 khách hàng là các nhà đầu tư tổ chức. Vào ngày 21 tháng 4 năm 2020, Morningstar, Inc. đã mua lại ~ 60% cổ phần còn lại của Sustainalytics để trở thành chủ sở hữu duy nhất.

### **Natural Capital - Vốn Tự Nhiên**

Vốn tự nhiên là kho dự trữ tài sản thiên nhiên của thế giới bao gồm địa chất, đất, không khí, nước và tất cả các sinh vật sống. Vốn tự nhiên là bất kỳ tài sản hay dòng năng lượng và vật liệu nào tạo ra hàng hóa và dịch vụ. Nó bao gồm các tài nguyên như vật liệu tái tạo và không tái tạo, các hệ thống hấp thụ, trung hòa hoặc tái chế chất thải và các quy trình như điều hòa khí hậu.

### **Natural Resources - Tài Nguyên Thiên Nhiên**

Tài nguyên thiên nhiên là nguyên liệu không do con người tạo ra, có thể khai thác, chế biến để sản xuất và tiêu dùng. Chúng có thể bị cạn kiệt định lượng do sử dụng của con người. Ví dụ bao gồm khoáng sản, năng lượng, đất, nước và tài nguyên sinh học.



## Net-Zero - Phát Thái Ròng Bằng 0

Net-zero đề cập đến sự cân bằng tổng thể giữa lượng phát thải khí nhà kính được tạo ra và lượng được loại bỏ khỏi khí quyển. Net zero đạt được khi lượng phát thải chúng ta thêm vào không nhiều hơn lượng bị lấy đi. Mục tiêu phát thải ròng bằng 0 đòi hỏi phải giảm sâu lượng khí thải từ các tổ chức kinh doanh.

## Occupational Health - Sức khỏe Nghề Nghiệp

Sức khỏe có nghĩa là: "một trạng thái hoàn toàn khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và xã hội, và không chỉ đơn thuần là không có bệnh tật hoặc ốm yếu." Vì vậy, khi các chủ doanh nghiệp hỏi, "sức khỏe và an toàn đối với tôi có ý nghĩa gì?" câu trả lời là: giữ an toàn cho nhân viên của bạn, đảm bảo rằng nhân viên được thông tin và đào tạo phù hợp, từ đó cải thiện tinh thần, hiệu quả và dẫn đến tạo ra một doanh nghiệp khỏe mạnh.

## Organic - Hữu Cơ

Hữu cơ là khái niệm chỉ sự vắng mặt của các chất và hóa chất do con người tạo ra (nhân tạo) trong các sản phẩm đến từ thực vật hoặc động vật.

## Pollution - Ô Nhiễm

Việc đưa các chất có hại vào môi trường. Ô nhiễm có thể là tự nhiên như tro từ các vụ phun trào núi lửa hoặc nhân tạo như nước thải và rác thải từ các nhà máy, khói thải xe hơi hoặc thuốc trừ sâu. Các chất ô nhiễm có thể ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng không khí, nước và đất.

## Product Lifecycle - Vòng Đời Sản Phẩm (PLC)

Vòng đời sản phẩm là quá trình tăng trưởng, trưởng thành và suy giảm của sản phẩm theo thời gian. Nó bao gồm bốn giai đoạn chính: Giới thiệu, Tăng trưởng, Trưởng thành và Suy giảm. Tại YTT Consulting, chúng tôi đồng ý rằng 4 giai đoạn này rất quan trọng đối với một sản phẩm, nhưng hai giai đoạn "Phát triển" và "Suy giảm" gần như không đủ nội hàm. Trong mỗi giai đoạn, sản phẩm trải qua các mức doanh thu và lợi nhuận khác nhau. Các giai đoạn của vòng đời sản phẩm có thể được sử dụng để xác định khi nào, ở đâu và làm thế nào một công ty nên đầu tư vào tiếp thị và phát triển sản phẩm.

## 6 giai đoạn của vòng đời sản phẩm là gì?

- **Phát triển:** Đây là giai đoạn R&D và thử nghiệm trước khi sản phẩm được giới thiệu ra thị trường.
- **Giới thiệu:** Giai đoạn giới thiệu là nơi sản phẩm được tung ra thị trường. Ví dụ: AI Tạo sinh, xe ô tô tự lái, TV 3D.
- **Tăng trưởng:** Trong giai đoạn tăng trưởng, sản phẩm trở nên phổ biến hơn và bắt đầu được chú ý nhiều hơn. Ví dụ: Đồng hồ thông minh, Ô tô điện, Peloton.
- **Trưởng thành:** Ở giai đoạn này, sản phẩm được thiết lập và đang đạt đến đỉnh cao về doanh thu và lợi nhuận. Ví dụ: Điện thoại thông minh, Amazon, Máy chơi trò chơi điện tử.
- **Bão hòa:** Các đối thủ cạnh tranh đã bắt đầu chiếm một phần thị trường và các sản phẩm sẽ không tăng trưởng cũng không giảm doanh số. Ví dụ: Dịch vụ phát trực tuyến, Ngũ cốc ăn sáng, Nước ngọt.
- **Suy giảm:** Giai đoạn suy giảm là khi sản phẩm bắt đầu mất đi sự phổ biến và doanh số bắt đầu giảm. Ví dụ: CD và băng cassette, Điện thoại cố định, DVD.

Các công ty tốt nhất thường sẽ có dài sản phẩm tại một số điểm trong vòng đời sản phẩm tại bất kỳ thời điểm nào. Một số công ty tìm đến các quốc gia khác để bắt đầu chu kỳ mới.



### Product Safety - An Toàn Sản Phẩm

Một sản phẩm an toàn là một sản phẩm không đem lại rủi ro hoặc mức độ rủi ro tối thiểu chấp nhận được, có tính đến việc sử dụng sản phẩm bình thường hoặc có thể dự đoán được một cách hợp lý và nhu cầu duy trì mức độ bảo vệ cao cho người tiêu dùng.

### Recycling - Tái Chế

Tái chế là quá trình thu gom, thu hồi, xử lý và gia tăng giá trị cho các vật liệu thường bị vứt bỏ như chất thải hoặc rác thải bằng cách biến chúng thành các sản phẩm mới hữu ích.

### Reforestation – Tái Tạo Rừng

Tái tạo rừng hay tái trồng rừng liên quan đến việc trồng hạt giống cây hoặc cây con ở những khu vực có rừng nguyên sinh. Tái trồng rừng có thể xảy ra trên vùng đất đã từng là rừng trong lịch sử nhưng phải sử dụng đất làm việc khác. Nó được khuyến khích để thu giữ carbon từ khí quyển.

### Renewable Energy - Năng Lượng Tái Tạo

Năng lượng tái tạo là một dạng năng lượng được tạo ra từ các nguồn không cạn kiệt và bổ sung tự nhiên. Năng lượng tái tạo, thường được gọi là năng lượng sạch, đến từ các nguồn hoặc quy trình tự nhiên. Ví dụ, năng lượng mặt trời từ mặt trời có thể tái tạo. Các nguồn năng lượng tái tạo phổ biến nhất khác bao gồm gió, thủy điện, địa nhiệt và sinh khối. Năng lượng có nguồn gốc từ các nguồn tái tạo làm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, do đó làm giảm lượng khí thải carbon trong khí quyển.

### Risk Management - Quản Trị Rủi Ro

Quản trị rủi ro là quá trình xác định, đánh giá và kiểm soát rủi ro tài chính, pháp lý, chiến lược và bảo mật đối với vốn và thu nhập của tổ chức. Những mối đe dọa hoặc rủi ro này có thể xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm sự không chắc chắn về tài chính, trách nhiệm pháp lý, lỗi quản lý chiến lược, tai nạn và thiên tai.

Nếu một sự kiện không lường trước khiến tổ chức của bạn không biết, tác động có thể là nhỏ, chẳng hạn như tác động nhỏ đến chi phí chung. Tuy nhiên, trong trường hợp xấu nhất, nó có thể là thảm họa và có sự phân nhánh nghiêm trọng, chẳng hạn như gánh nặng tài chính đáng kể hoặc thậm chí đóng cửa doanh nghiệp của bạn.

Để giảm thiểu rủi ro, một tổ chức cần áp dụng các nguồn lực để giảm thiểu, giám sát và kiểm soát tác động của các sự kiện tiêu cực trong khi tối đa hóa các sự kiện tích cực. Một cách tiếp cận nhất quán, có hệ thống và tích hợp để quản lý rủi ro có thể giúp định hình cách thức tốt nhất để tìm ra, quản lý và giảm thiểu đáng kể rủi ro.

### Science Based Targets - Mục Tiêu Dựa Trên Khoa Học

Các mục tiêu dựa trên khoa học cung cấp một lộ trình được xác định rõ ràng cho các công ty để giảm phát thải khí nhà kính (GHG), giúp ngăn chặn những tác động tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu và tăng trưởng kinh doanh trong tương lai. Các mục tiêu được coi là 'dựa trên khoa học' nếu chúng phù hợp với những gì khoa học khí hậu mới nhất cho là cần thiết để đáp ứng các mục tiêu của Thỏa thuận Paris - hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức dưới 2 ° C so với mức tiền công nghiệp và theo đuổi các nỗ lực hạn chế sự nóng lên ở mức 1,5 ° C.

### Scopes of Emission - Phạm Vi Phát Thải

Phát thải khí nhà kính được phân loại thành ba phạm vi (Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3) bằng công cụ kế toán doanh nghiệp quốc tế được sử dụng rộng rãi, Nghị định thư Khí nhà kính (GHG).



Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp xảy ra từ các nguồn do công ty sở hữu hoặc kiểm soát, ví dụ, khí thải liên quan đến quá trình đốt cháy nhiên liệu, phương tiện của công ty và nguồn khí thải khác.

Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp từ việc phát điện, nhiệt hoặc hơi nước mua ngoài do công ty tiêu thụ. Phạm vi phát thải 2 xảy ra thực tế tại cơ sở nơi phát điện.

Phạm vi 3: Phát thải gián tiếp do hậu quả của các hoạt động của công ty nhưng xảy ra từ các nguồn không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty. Một số ví dụ về Phạm vi 3 là hàng hóa và dịch vụ đã mua, đi công tác & đi lại của nhân viên, xử lý chất thải, sử dụng các sản phẩm đã bán, vận chuyển và phân phối.

### **Social Enterprise - Doanh Nghiệp Xã Hội**

Một doanh nghiệp có mục đích xã hội hoặc môi trường rõ ràng, có lợi nhuận được tái đầu tư để hoàn thành sứ mệnh của họ. Họ đánh đổi để giải quyết các vấn đề xã hội, trao quyền cho cộng đồng, tạo việc làm, đặc biệt là cho những người lao động bị thiệt thòi hoặc cải thiện môi trường.

Nói cách khác, doanh nghiệp xã hội là một doanh nghiệp có mục đích rõ ràng, minh bạch, động cơ xã hội hoặc môi trường được đặt ra trong khuôn khổ hoạt động có lợi nhuận kiếm được thông qua giao dịch và tái đầu tư để hoàn thành sứ mệnh của mình. Họ giao dịch để giải quyết các vấn đề xã hội, trao quyền cho cộng đồng, tạo việc làm đặc biệt cho những người lao động bị thiệt thòi, cải thiện môi trường và nền kinh tế.

### **Sustainability - Tính bền vững**

Tính bền vững dựa trên nguyên tắc rằng mọi thứ chúng ta cần để tồn tại phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào hệ sinh thái tự nhiên. Tính bền vững là quản lý và bảo vệ Trái đất và tài nguyên thiên nhiên của nó để hỗ trợ các thế hệ hiện tại và tương lai. Đó là sự cân bằng giữa xã hội, kinh tế và môi trường một cách toàn diện. Tính bền vững thường được coi là một mục tiêu dài hạn trong khi phát triển bền vững đề cập đến nhiều quá trình và con đường để đạt được điều này.

### **Sustainable Development Goals - Mục Tiêu Phát Triển Bền Vững (SDGs)**

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, được tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc thông qua vào năm 2015, cung cấp một kế hoạch chi tiết chung cho hòa bình và thịnh vượng của con người và hành tinh, hiện tại và trong tương lai. Trọng tâm của nó là 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (17 Sustainable Development Goals - SDGs) hoặc Mục tiêu Toàn cầu (Global Goals), là một kế hoạch chi tiết để đạt được một tương lai tốt hơn và bền vững hơn cho tất cả mọi người. Đây là lời kêu gọi hành động khẩn cấp của tất cả các quốc gia, cả phát triển và đang phát triển, trong quan hệ đối tác toàn cầu.

### **Sustainability Accounting Standard Board - Hội Đồng Chuẩn Mục Kế Toán Bền Vững (SASB)**

Hội đồng Chuẩn mục Kế toán Bền vững (SASB) là một tổ chức phi lợi nhuận, được thành lập vào năm 2011 bởi Jean Rogers để phát triển các chuẩn mục kế toán bền vững. Các nhà đầu tư, người cho vay, nhà bảo lãnh bảo hiểm và các nhà cung cấp vốn tài chính khác ngày càng chú ý đến tác động của các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đối với hiệu quả tài chính của các công ty, thúc đẩy nhu cầu báo cáo chuẩn hóa dữ liệu ESG.

Cũng giống như Hội đồng Chuẩn mục Kế toán Quốc tế (International Accounting Standards Board - IASB) và Hội đồng Chuẩn mục Kế toán Tài chính (Financial Accounting Standards Board - FASB) đã thiết lập Chuẩn mục Báo cáo Tài chính Quốc tế (International Financial Reporting Standards) và Nguyên tắc Kế toán Được Chấp nhận Chung (Generally Accepted



Accounting Principles - GAAP), Tương tự, hiện đang được sử dụng trong báo cáo tài chính, sứ mệnh đã nêu của SASB "là thiết lập các tiêu chuẩn công bố thông tin cụ thể của ngành trong các chủ đề ESG nhằm tạo điều kiện giao tiếp giữa các công ty và nhà đầu tư về thông tin quan trọng về tài chính, thông tin hữu ích để ra quyết định. Những thông tin như vậy phải có liên quan, đáng tin cậy và có thể so sánh giữa các công ty trên cơ sở toàn cầu."

Các tiêu chuẩn SASB được các công ty trên khắp thế giới sử dụng trong nhiều kênh công bố khác nhau, bao gồm báo cáo hàng năm, hồ sơ tài chính, trang web của công ty, báo cáo bền vững, v.v.

Vào tháng 6/2021, SASB và Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (International Integrated Reporting Council) có trụ sở tại London đã công bố sự kết hợp của họ để thành lập Quỹ Báo cáo Giá trị (Value Reporting Foundation - VRF). Vào tháng 11/2021, Quỹ IFRS thông báo sẽ hợp nhất Hội đồng Tiêu chuẩn Công bố Khí hậu (Climate Disclosure Standards Board) và VRF với Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board - ISSB) mới được thành lập vào tháng 6/2022. Việc này đã được hoàn thành vào tháng 8 năm 2022, khi tất cả các dự án Tiêu chuẩn SASB mở được chuyển sang ISSB.

### **Sustainable Supply Chain - Chuỗi Cung Ứng Bền Vững**

Chuỗi cung ứng bền vững đề cập đến nỗ lực của các công ty để xem xét tác động môi trường và xã hội của hành trình sản phẩm của họ thông qua chuỗi cung ứng, từ tìm nguồn cung ứng nguyên liệu thô đến sản xuất, lưu trữ, giao hàng và mọi liên kết vận chuyển ở giữa. Nhu cầu ngày càng tăng trong việc tích hợp các thực hành bền vững vào quản lý chuỗi cung ứng.

### **The Task Force on Climate-Related Financial Disclosures**

#### **Lực Lượng Đặc Nhiệm Về Công Bố Tài Chính Liên Quan Đến Khí Hậu (TCFD)**

TCFD cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư về những gì các công ty đang làm để giảm thiểu rủi ro của biến đổi khí hậu, cũng như minh bạch về cách họ được quản lý. Nó được thành lập vào tháng 12 năm 2015 bởi Nhóm 20 (G20) và Hội đồng ổn định tài chính (FSB) và do Michael Bloomberg làm chủ tịch. Nó bao gồm quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro, và các số liệu và mục tiêu.

Nguồn gốc từ sự thất bại của Thỏa thuận Paris: TCFD được thành lập như một phản ứng đối với những thất bại của Thỏa thuận Paris 2015. Thỏa thuận đã thiết lập các đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), thể hiện cam kết riêng của mỗi quốc gia trong việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Một mặt, Liên Hợp Quốc và Trung tâm Kinh tế và Chính sách Biến đổi Khí hậu ca ngợi Thỏa thuận này là "lịch sử" để đảm bảo các cam kết NDC từ 189 quốc gia. Mặt khác, những đóng góp này cũng được công nhận rộng rãi là không đủ để đạt được mục tiêu giữ cho sự nóng lên toàn cầu dưới 2 ° C hoặc nỗ lực hạn chế nó ở mức 1,5 ° C.

Một trong những chỉ trích đáng kể nhất về cách tiếp cận NDC là sự thiếu minh bạch và các tiêu chuẩn quốc tế mà theo đó các quốc gia chứng minh hoặc công bố rằng họ đang đáp ứng các cam kết của mình.

Để giải quyết các vấn đề bắt nguồn từ Thỏa thuận Paris năm 2015, G20 và FSB đã thành lập TCFD. Dưới sự chủ trì của Michael Bloomberg, Lực lượng đặc nhiệm đã công bố các khuyến nghị được thiết kế để tiêu chuẩn hóa các công bố liên quan đến khí hậu trên toàn thế giới có thể "thúc đẩy đầu tư sáng suốt hơn... và lần lượt, cho phép các bên liên quan hiểu rõ hơn về sự tập trung tài sản liên quan đến carbon trong các lĩnh vực tài chính.





## Triple Bottom Line - Ba Điểm Mấu Chốt

Ba điểm mấu chốt là một khái niệm kinh doanh cho thấy các doanh nghiệp nên cam kết đo lường tác động môi trường và xã hội của họ bên cạnh hiệu quả tài chính. Ba điểm mấu chốt cung cấp một khuôn khổ để thực hiện tính bền vững kinh tế, xã hội và môi trường theo cách tích hợp. Nó có thể được chia thành 'ba Ps': Profit, People, and the Planet (Lợi nhuận, Con người và Hành tinh).

## UN Sustainable Development Goals - Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs)

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) hoặc Mục tiêu Toàn cầu (Global Goals) là một tập hợp mười bảy mục tiêu liên kết với nhau được thiết kế để phục vụ như một "kế hoạch chi tiết chung cho hòa bình và thịnh vượng của con người và hành tinh, hiện tại và trong tương lai."

Các tiêu đề ngắn gọn của 17 SDGs là: Không còn đói nghèo (SDG 1), Không còn nạn đói (SDG 2), Sức khỏe tốt và hạnh phúc (SDG 3), Giáo dục chất lượng (SDG 4), Bình đẳng giới (SDG 5), Nước sạch và vệ sinh môi trường (SDG 6), Năng lượng sạch và giá cả phải chăng (SDG 7), Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế (SDG 8), Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng (SDG 9), Giảm bất bình đẳng (SDG 10), Thành phố và cộng đồng bền vững (SDG 11), Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm (SDG 12), Hành động vì khí hậu (SDG 13), Cuộc sống dưới nước (SDG 14), Cuộc sống trên đất liền (SDG 15), Hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh (SDG 16), Quan hệ đối tác vì các mục tiêu (SDG 17).

SDGs nhấn mạnh các khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế liên kết với nhau của phát triển bền vững bằng cách đặt tính bền vững vào trung tâm của chúng.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững là lời kêu gọi hành động của tất cả các quốc gia - nghèo, giàu và thu nhập trung bình - để thúc đẩy sự thịnh vượng trong khi bảo vệ hành tinh. Họ nhận ra rằng chấm dứt nghèo đói phải đi đôi với các chiến lược xây dựng tăng trưởng kinh tế và giải quyết một loạt các nhu cầu xã hội bao gồm giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội và cơ hội việc làm, đồng thời giải quyết biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

## World Business Council for Sustainable Development

### Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD)

Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD) là một tổ chức được lãnh đạo bởi CEO của hơn 200 công ty quốc tế. Hội đồng cũng được kết nối với 60 hội đồng kinh doanh quốc gia và khu vực và các tổ chức đối tác.

Nguồn gốc của nó bắt nguồn từ Hội nghị thượng đỉnh Trái đất Rio de Janeiro năm 1992 (Rio de Janeiro Earth Summit of 1992), khi Stephan Schmidheiny, một doanh nhân Thụy Sĩ, được bổ nhiệm làm cố vấn trưởng về kinh doanh và công nghiệp cho tổng thư ký Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (United Nations Conference on Environment and Development - UNCED). Ông đã tạo ra một diễn đàn gọi là "Hội đồng kinh doanh vì sự phát triển bền vững" (Business Council for Sustainable Development), sau đó trở thành Khóa học Thay đổi (Changing Course), một cuốn sách đặt ra khái niệm hiệu quả sinh thái.

WBCSD được thành lập vào năm 1995 như một sự hợp nhất của Hội đồng Kinh doanh vì sự Phát triển Bền vững và Hội đồng Công nghiệp Thế giới về Môi trường và có trụ sở tại Maison de la paix ở Geneva, Thụy Sĩ, với các văn phòng tại New York và New Delhi.



## World Economic Forum - Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF)

Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) là một tổ chức vận động hành lang và phi chính phủ quốc tế cho các công ty đa quốc gia có trụ sở tại Cologne, bang Geneva, Thụy Sĩ. Nó được thành lập vào ngày 24 tháng 1 năm 1971 bởi kỹ sư người Đức Klaus Schwab. Quỹ này, chủ yếu được tài trợ bởi 1.000 công ty thành viên - điển hình là các doanh nghiệp toàn cầu với doanh thu hơn 5 tỷ USD - cũng như trợ cấp công, xem sứ mệnh của chính mình là "cải thiện tình trạng thế giới bằng cách thu hút các nhà lãnh đạo kinh doanh, chính trị, học thuật và các nhà lãnh đạo khác của xã hội để định hình các chương trình nghị sự toàn cầu, khu vực và ngành".

WEF chủ yếu được biết đến với cuộc họp thường niên vào cuối tháng Giêng tại Davos, một khu nghỉ mát trên núi ở khu vực phía đông dãy Alps của Thụy Sĩ. Cuộc họp quy tụ khoảng 3.000 thành viên trả tiền và những người tham gia được lựa chọn - trong đó có các nhà đầu tư, lãnh đạo doanh nghiệp, lãnh đạo chính trị, nhà kinh tế, người nổi tiếng và nhà báo - trong tối đa 5 ngày để thảo luận về các vấn đề toàn cầu trong 500 phiên.

## Zero Carbon - Phi Carbon

Phi carbon có nghĩa là không có lượng khí thải carbon nào được tạo ra từ một sản phẩm hoặc dịch vụ. Nó có nghĩa là không có carbon nào được thải ra. Ví dụ, các nguồn năng lượng như năng lượng mặt trời và gió không tạo ra khí thải carbon khi chúng được sử dụng để sản xuất điện, do đó, chúng ta gọi các nguồn này là không carbon.

## Zero Waste - Không Chất Thải

Không chất thải liên quan đến việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên thông qua sản xuất, tiêu thụ, tái sử dụng và thu hồi các sản phẩm tinh gọn và có trách nhiệm bao gồm bao bì và sử dụng vật liệu mà không đốt hoặc thải vào nước, đất hoặc không khí. Không chất thải làm giảm cả mối đe dọa đối với môi trường và sức khỏe con người. Standard & Poor's (Điểm ESG của S&P - được đưa vào Chỉ số bền vững Dow Jones (Dow Jones Sustainability Index - DJSI) hay còn gọi là Đánh giá bền vững doanh nghiệp (Corporate Sustainability Assessment - CSA).

## Workiva

Workiva, Inc. là một công ty phần mềm dưới dạng dịch vụ (SaaS) toàn cầu. Nó cung cấp một nền tảng tuân thủ và kết nối báo cáo dựa trên công nghệ điện toán đám mây, cho phép sử dụng dữ liệu được kết nối và tự động hóa để báo cáo về tài chính, kế toán, rủi ro và tuân thủ.

Sản phẩm chính của Workiva là Wdesk, một nền tảng phần mềm dưới dạng dịch vụ doanh nghiệp dựa trên điện toán đám mây, cho phép các công ty thu thập, quản lý, báo cáo và phân tích dữ liệu kinh doanh quan trọng theo thời gian thực. Wdesk cũng cho phép các công ty quản lý và nộp các tài liệu tài chính và tuân thủ cho các cơ quan quản lý.

Nền tảng Wdesk tích hợp thông tin từ các định dạng nội dung khác nhau, bao gồm bảng tính, tài liệu thuyết trình, email và dữ liệu phi cấu trúc khác, vào một báo cáo duy nhất dựa trên điện toán đám mây.

Vào tháng 7 năm 2014, tên của công ty đã được đổi thành Workiva LLC và được chuyển đổi thành Delaware LLC vào tháng 9 năm 2014.

Để tìm hiểu thêm về ESG và các mô hình liên quan đến tính bền vững, vui lòng liên hệ **[YTT Consulting!](#)**

